

Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ15,700

Tiềm năng tăng/giảm: -17.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (22/7/2025)	19,100
Mã Bloomberg	VND VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	10,906-19,100
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	18,600
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	29,070
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,112
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,522
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,522
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,181
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.0%
Tỷ lệ freefloat	70.0%
Cổ đông lớn	I.P.A Invest Group (25.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (tỷ đồng)	44,295	54,485	61,666
Cho vay kỳ quỹ (tỷ đồng)	10,344	12,412	16,136
Doanh thu HĐ (tỷ đồng)	5,325	6,661	7,741
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	1,720	1,839	2,119
BVPS (đồng)	12,744	14,165	14,445
EPS (đồng)	1,150	1,119	1,183
DPS (đồng)	500	500	800
T.trưởng tổng tài sản (%)	6.12	23.0	13.2
T.trưởng c.vay KQ (%)	0.65	20.0	30.0
T.trưởng DT HĐ (%)	(18.8)	25.1	16.2
Tăng trưởng EPS (%)	(30.6)	(2.71)	5.77
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	60.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	43.5	44.7	67.6
ROAE (%)	9.50	8.16	8.27
ROAA (%)	4.00	3.72	3.65
Tỷ lệ CIR (%)	48.4	51.5	51.7
Lãi suất cho vay BQ (%)	0.12	0.13	0.13
Vòng quay tổng TS (%)	12.4	13.5	13.3
Đòn bẩy vốn (%)	225	215	238
Thị phần môi giới CP (%)	6.10	5.80	6.50
P/E (lần)	16.6	17.1	16.1
P/B (lần)	1.50	1.35	1.32
Lợi suất cổ tức (%)	2.62	2.62	4.19

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VND là một công ty chứng khoán tăng trưởng nhanh, được tiếp lực bởi phát triển công nghệ và mảng khách hàng bán lẻ, công ty có thị phần khoảng 7%.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Lợi nhuận Q2 ở mức trung bình và thấp hơn dự báo

- VND đã công bố LNTT Q2/2025 đạt 488 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ và tăng 22% so với quý trước, nhờ khoản 'thu nhập khác' không thường xuyên. Tuy nhiên, HĐKD cốt lõi chỉ đi ngang so với cùng kỳ. LNTT 6 tháng đầu năm 2025 chỉ hoàn thành 43% dự báo cả năm và thấp hơn dự báo 6 tháng của chúng tôi.
- Lãi hoạt động tự doanh khiêm tốn sau khi trích lập dự phòng cho cả TPDN và đầu tư cổ phiếu. Mảng cho vay ký quỹ cũng kém tích cực với dư nợ cho vay ký quỹ giảm nhẹ xuống 10,6 nghìn tỷ đồng (giảm 4% so với quý trước) trong khi mảng nghiệp vụ môi giới hồi phục mạnh so với quý trước nhờ thanh khoản thị trường cải thiện.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 18% trong 1 tháng qua, VND đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 16,6 lần, thấp hơn so với bình quân ngành ở mức 19,4 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2025

VND đã công bố LNTT Q2/2025 đạt 488 tỷ đồng (tăng 15% so với cùng kỳ và tăng 22% so với quý trước), chủ yếu nhờ khoản "thu nhập khác" không thường xuyên (từ hoạt động tài chính doanh nghiệp). Trong khi đó, HĐKD cốt lõi của VND chỉ đi ngang so với cùng kỳ, thấp hơn 20% so với dự báo của chúng tôi. Theo đó, LNTT 6 tháng đầu năm 2025 chỉ hoàn thành 43% dự báo cả năm 2025 và thấp hơn so với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Chi phí dự phòng làm giảm lãi hoạt động tự doanh

Lãi hoạt động tự doanh Q2 tăng 4% so với cùng kỳ nhưng giảm mạnh 42% so với quý trước xuống 280 tỷ đồng. Trong đó:

- Lãi thuần bán tài sản tài chính FVTPL tăng 39% so với cùng kỳ (giảm 7% so với quý trước) đạt 378 tỷ đồng, trong khi lãi danh mục HTM tăng 20% so với cùng kỳ (tăng 53% so với quý trước) đạt 140 tỷ đồng.
- VND trích lập đáng kể 230 tỷ đồng chi phí dự phòng trong Q2 chủ yếu bao gồm (1) khoản lỗ 134 tỷ đồng liên quan tới khoản phải thu của CTCP Xây dựng Trung Nam (trong tổng số 1.695 tỷ đồng tính đến cuối Q2/2025, tăng mạnh từ 230 tỷ đồng tại thời điểm cuối Q4/2024), cho thấy việc chuyển đổi một phần TPDN thành các khoản phải thu để trích lập dự phòng trong tương lai và (2) khoản dự phòng 94 tỷ đồng cho các tài sản tài chính bị ảnh hưởng do biến động thị trường trong Q2/2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q2/2025, VND

LNTT 6 tháng đầu năm 2025 của VND chỉ hoàn thành 43% dự báo cả năm, thấp hơn so với kỳ vọng của chúng tôi

Tỷ đồng	Q2/24	Q2/25	% so với cùng kỳ	6T24	6T25	% so với cùng kỳ	% 2025 HSCF
Tổng thu nhập HĐ	655	828	26%	1,732	1,635	-6%	44%
Môi giới	84	83	-1%	170	117	-31%	56%
Cho vay ký quỹ	299	298	0%	615	599	-3%	42%
HĐ tự doanh	270	280	4%	955	769	-19%	35%
Khác	1	168	167x	(8)	150		-103%
Lỗ tài chính	(150)	(250)	67%	(305)	(473)	55%	48%
Chi phí HĐ	(79)	(90)	14%	(233)	(195)	-16%	41%
Thu nhập khác	0	0		0	0		
LNTT	426	488	15%	1,193	966	-19%	43%
Lợi nhuận thuần	345	369	7%	962	751	-22%	41%

Nguồn: VND, HSC

Chúng tôi dự báo VND sẽ tiếp tục trích lập dự phòng cho các khoản phải thu, từ đó gia tăng sức ép lên thu nhập đầu tư trong 6 tháng cuối năm 2025.

Trong danh mục đầu tư FVTPL của VND, quy mô danh mục giảm 21% so với quý trước (giảm 2% so với cùng kỳ) xuống 20,7 nghìn tỷ đồng. Trong đó:

- Trái phiếu: 12,2 nghìn tỷ đồng, giảm 16% so với quý trước xuống 14,6 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q1/2025. Chúng tôi cho rằng sự sụt giảm này đến từ việc chuyển đổi một phần TPDN của Trung Nam thành các khoản phải thu để trích lập dự phòng trong tương lai.
- Cổ phiếu: 2,7 nghìn tỷ đồng, giảm 18% so với quý trước.
- Chứng chỉ tiền gửi: 5,8 nghìn tỷ đồng, giảm 28% so với quý trước.

Trong khi đó, danh mục HTM của VND (chủ yếu là tiền gửi kỳ hạn) tăng 24% so với quý trước lên 8,9 nghìn tỷ đồng.

Hoạt động cho vay ký quỹ kém tích cực

Lãi từ cho vay ký quỹ ổn định so với cùng kỳ (và so với quý trước) ở mức 298 tỷ đồng với dư nợ cho vay ký quỹ giảm nhẹ 5% so với cùng kỳ (giảm 4% so với quý trước) xuống 10,6 nghìn tỷ đồng. Như đã đề cập trong các báo cáo trước đó, nguồn lực của VND tiếp tục bị hạn chế bởi các khoản đầu tư trái phiếu cũ, từ đó hạn chế khả năng tăng trưởng dư nợ cho vay ký quỹ.

Tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ/vốn CSH của VND ổn định ở mức 55% (đi ngang so với mức 52% trong Q1/2025), thấp hơn đáng kể so với bình quân ngành (khoảng 102%).

Lãi suất cho vay ký quỹ giảm nhẹ 30 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 40 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 10,9%, trong khi chi phí huy động tăng 30 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 80 điểm cơ bản so với cùng kỳ) lên 3,8%. Từ đó, tỷ lệ NIM mảng cho vay ký quỹ thu hẹp xuống 7,1% từ mức 7,7% trong Q1/2025 và 8,3% trong Q2/2024.

Lợi nhuận nghiệp vụ môi giới đi ngang so với cùng kỳ nhưng tăng 140% so với quý trước

Doanh thu môi giới tăng đáng kể 62% so với quý trước (tăng 20% so với cùng kỳ) lên 219 tỷ đồng nhờ thanh khoản thị trường cải thiện với giá trị giao dịch bình quân ngày tăng 42% so với quý trước (đi ngang so với cùng kỳ) lên 24,7 nghìn tỷ đồng. Thị phần của Công ty phục hồi lên 6,4% từ mức thấp 5,3% trong Q1/2025 nhưng vẫn thấp hơn một chút so với Q2/2024 (6,5%). Do dư nợ cho vay ký quỹ ổn định, sự cải thiện này có thể do sự gia tăng trong hoạt động giao dịch của khối ngoại.

Trong khi đó, chi phí nghiệp vụ môi giới tăng 39% so với quý trước và tăng 36% so với cùng kỳ. Do đó, lợi nhuận nghiệp vụ môi giới tăng 140% so với quý trước (tăng 2% so với cùng kỳ) lên 83 tỷ đồng trong Q2/2025. Lợi nhuận nghiệp vụ môi giới 6 tháng đầu năm 2025 đạt 117 tỷ đồng (giảm 31% so với cùng kỳ), hoàn thành 56% dự báo cả năm và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Tỷ lệ phí giữ lại của VND (phí thuần/phí gộp) đã tăng lên 38% từ mức 26% trong Q1/2025 nhưng vẫn thấp hơn Q2/2024 (46%). Tỷ lệ này được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao dựa trên giả định thanh khoản tiếp tục cải thiện trong nửa cuối năm 2025.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

Sau khi giá cổ phiếu tăng 18% trong 1 tháng qua, VND đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 16,6 lần, cao hơn 0,7 độ lệch chuẩn so với bình quân Q4/2020 nhưng thấp hơn so với bình quân ngành ở mức 19,4 lần.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKĐK (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu HĐ môi giới CK	867	720	958	1,282	1,768
Lãi cho vay ký quỹ	1,154	1,255	1,422	1,784	2,215
Doanh thu HĐ tự doanh	4,309	3,180	4,088	4,450	4,126
Phí bảo lãnh phát hành	-	-	-	-	-
Thu nhập dịch vụ tư vấn	118	65.0	78.0	98.0	128
Thu nhập HĐ khác	113	105	115	127	140
Doanh thu HĐ	6,561	5,325	6,661	7,741	8,377
Chi phí HĐ	(2,624)	(2,575)	(3,429)	(4,005)	(3,922)
Lợi nhuận HĐ	3,937	2,750	3,232	3,736	4,455
Lợi nhuận tài chính	(1,448)	(658)	(983)	(1,139)	(1,347)
Lợi nhuận khác	(7.00)	(3.00)	(7.00)	(14.0)	(28.0)
LNTT	2,482	2,089	2,242	2,583	3,080
Chi phí thuế TNDN	(464)	(370)	(404)	(465)	(554)
LNST	2,018	1,719	1,838	2,118	2,526
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)
Lợi nhuận thuần	2,019	1,720	1,839	2,119	2,527

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	4,862	881	10,846	12,208	13,443
Phải thu	948	1,728	2,300	3,078	4,244
Phải thu dịch vụ & phải thu khác	375	195	323	498	759
Tài sản tài chính	34,320	40,302	39,794	44,618	52,125
FVTPL	16,730	24,519	22,067	23,171	26,646
HTM	7,432	5,561	5,561	5,561	5,561
Cho vay ký quỹ	10,277	10,344	12,412	16,136	20,170
AFS	0	0	(125)	(127)	(130)
Dự phòng	(119)	(122)	(122)	(122)	(122)
Đầu tư dài hạn	1,065	1,030	1,030	1,030	1,030
HTM	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD, LK	863	996	996	996	996
Đầu tư dài hạn khác	202	34.2	34.2	34.2	34.2
Tài sản cố định	106	84.1	92.5	102	112
Tài sản khác	66.4	74.6	99.3	133	183
Tổng tài sản	41,742	44,295	54,485	61,666	71,897
Nợ phải trả và vốn CSH					
Vay ngắn hạn	20,468	22,436	25,798	31,694	39,867
Trái phiếu ngắn hạn	400	400	0	0	0
Phải trả hoạt động	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải trả khác	4,370	1,743	3,321	4,105	5,282
Nợ phải trả	25,239	24,580	29,119	35,799	45,149
Vốn chủ sở hữu	16,503	19,715	25,369	25,871	26,752
Vốn điều lệ	12,178	15,223	17,911	17,911	17,911
Thặng dư vốn cổ phần	(0.04)	(0.17)	2,440	2,440	2,440
Lợi nhuận giữ lại	4,325	4,492	4,520	4,839	5,508
Quỹ & vốn khác của CSH	0	0	497	681	893
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	(2.54)	(3.38)	(4.23)
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	41,742	44,295	54,485	61,666	71,897

Chỉ số chính: Tăng trưởng và định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng (so với cùng kỳ)					
Tăng trưởng tổng TS (%)	7.39	6.12	23.0	13.2	16.6
Tăng trưởng cho vay (%)	13.4	0.65	20.0	30.0	25.0
Tăng trưởng TS tài chính khác (%)	(32.9)	12.4	33.1	33.8	37.9
Tăng/giảm nợ ngắn hạn (%)	5.99	9.61	15.0	22.9	25.8
Tăng trưởng VCSH (%)	13.7	19.5	28.7	1.98	3.41
Tăng trưởng doanh thu HĐ (%)	(3.91)	(18.8)	25.1	16.2	8.22
Tăng/giảm chi phí HĐ (%)	37.6	1.87	33.2	16.8	2.07
Tăng trưởng lợi nhuận HĐ (%)	50.1	(30.1)	17.5	15.6	19.2
Tăng trưởng LNTT (%)	61.8	(15.8)	7.32	15.2	19.2
Tăng trưởng LNST (%)	65.5	(14.8)	6.92	15.2	19.3
Tăng trưởng LN thuần (%)	65.5	(14.8)	6.92	15.2	19.3
Định giá					
P/E (lần)	11.5	16.6	17.1	16.1	13.5
P/B (lần)	1.41	1.50	1.35	1.32	1.28
Lợi suất cổ tức (%)	2.62	2.62	2.62	4.19	4.19
Chỉ số chính: Chỉ số CP và Chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số CP					
EPS (đồng)	1,658	1,150	1,119	1,183	1,411
DPS (đồng)	500	500	500	800	800
BVPS (đồng)	13,549	12,744	14,165	14,445	14,937
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,218	1,496	1,644	1,791	1,791
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,218	1,547	1,791	1,791	1,791
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,279	1,496	1,644	1,791	1,791
Chỉ số lợi nhuận					
ROAA (%)	5.01	4.00	3.72	3.65	3.78
ROAE (%)	13.0	9.50	8.16	8.27	9.60
Lãi suất cho vay ký quỹ BQ (%)	11.9	12.2	12.5	12.5	12.2
Chi phí vay nợ BQ (%)	6.80	3.00	4.00	4.20	4.50
Phí môi giới thuần (%)	0.02	0.02	0.01	0.02	0.02
Lợi suất TSTC HTM (%)	-	-	-	-	-
Lợi suất HĐ tự doanh (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ CIR (%)	40.0	48.4	51.5	51.7	46.8
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	30.2	43.5	44.7	67.6	56.7
Thị phần					
Thị phần môi giới cổ phiếu (%)	7.00	6.10	5.80	6.50	7.00
Thị phần môi giới KH nước ngoài (%)	-	-	-	-	-
Thị phần môi giới KH cá nhân (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ đòn bẩy					
Tổng nợ/vốn CSH (%)	-	-	-	-	-
Cho vay ký quỹ/vốn CSH (%)	-	-	-	-	-
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	-	-	-	-	-
Số lượng nhân viên	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn